

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/DS-ST
Ngày: 28-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận;
2. Bà Phạm Thị Thu Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2021/TLST- KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-KDTM ngày ngày 07 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-KDTM ngày 07/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; trụ sở: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thế V và ông Nguyễn Ngọc L; cùng địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 53524/2020/UQ-PGD ngày 30/10/2020), vắng mặt ông V, có mặt ông L.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P; trụ sở: khu dân cư T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1985; chức vụ chủ tịch công ty kiêm giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; trú tại: khu dân cư T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ngày 18/9/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng cho Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P (gọi tắt là Công ty) căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME ngày 18/9/2017, Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 18/9/2017 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME với các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ lần 02/Số: 040418-3998490-01-SME ngày 04/4/2018; số tiền cho vay 200.400.000 đồng (hai trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất 20.8%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 04/4/2018 đến ngày 04/4/2019. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; Trả nợ gốc và lãi 12 kỳ bắt đầu vào ngày 25/4/2018 cho đến khi trả nợ xong, mỗi kỳ là 16.800.000 đồng, kỳ cuối cùng là 15.600.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân trong ngày. Công ty đã trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 11/11/2018 thì Công ty không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Công ty đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng số tiền 136.499.646 đồng. Trong đó trả nợ gốc là nợ gốc là 117.600.000 đồng, tiền lãi 18.899.646 đồng.

Khế ước nhận nợ lần 3/Số: 130715-3998490-01-SME ngày 13/7/2018; số tiền cho vay 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng), lãi suất 23.4%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 13/7/2018 đến ngày 13/7/2019. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ. Trả nợ gốc và lãi 12 kỳ bắt đầu vào ngày 10/8/2018 cho đến khi trả nợ xong, mỗi kỳ là 15.350.000 đồng, kỳ cuối cùng là 15.150.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân trong ngày. Công ty đã trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 11/11/2018 thì Công ty không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Công ty đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng số tiền 59.079.253 đồng. Trong đó trả nợ gốc là nợ gốc là 48.713.2080 đồng, tiền lãi 10.336.045 đồng.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm Mã khách hàng: 5998490; Số: G6/011HIPHM/THE ngày 22/9/2017, cấp cho Công ty P hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay 60 tháng Mục đích bổ sung vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm khác từ gỗ. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 22/9/2017 đến ngày 11/11/2018 Công ty P nhiều lần sử dụng thẻ và thanh toán vốn. Công ty đã thanh toán cho ngân hàng Tổng số tiền là 190.471.008. Dư nợ phát sinh trong kỳ là 323.241.047, lãi phát sinh là 63.574.881 đồng, phí quá hạn là 4.727.500 đồng. Công ty còn nợ gốc số tiền 34.418.435 đồng, tiền lãi là 58.793.009 đồng.

Kể từ ngày 12/11/2018 Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng cả ba khoản vay nêu trên, Công ty không thanh toán vốn, gốc, lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn tạo điều kiện cho bị đơn nhưng bị đơn trốn

tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ngân hàng buộc công ty P phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2021 là 548.032.293 đồng (năm trăm bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn hai trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 236.734.057 đồng. Nợ gốc thẻ số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng.

Tại phiên Tòa nguyên đơn thay đổi không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt quá hạn buộc công ty P phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2021 là 518.974.087 đồng (năm trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 207.675.851 đồng. Nợ gốc thẻ số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng.

Kể từ ngày 29/5/2021, Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế đã ký giữa các bên đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P không thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP V thì bà Trần Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số: 150917-3998490-01-SME/HĐBL ngày 18/9/2017 tại VPBank Tân Bình và Hợp đồng bảo lãnh số: G6/011/HĐBL/HE ngày 22/9/2017 tại VPBank Tân Bình Chi nhánh Sài Gòn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ ngân hàng; Bản chính văn bản ủy quyền; Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME ngày 18/9/2017, Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 18/9/2017 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME; Khế ước nhận nợ lần 02/Số: 040418-3998490-01-SME ngày 04/4/2018; Khế ước nhận nợ lần 3/Số: 130715-3998490-01-SME ngày 13/7/2018; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm Mã khách hàng: 5998490; Số: Q6/011HIPHM/THE ngày 22/9/2017 (bản sao); Hợp đồng bảo lãnh số: 150917-3998490-01-SME/HĐBL ngày 18/9/2017 tại VPBank Tân Bình và Hợp đồng bảo lãnh số: G6/011/HĐBL/HE ngày 22/9/2017 tại VPBank Tân Bình Chi nhánh Sài Gòn, bảng kê tính lãi, sao kê tài khoản.

Bị đơn Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bà N vẫn không đến làm việc, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Kiểm sát viện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME ngày 18/9/2017; Khế ước nhận nợ lần 02/Số: 040418-3998490-01-SME ngày 04/4/2018; Khế ước nhận nợ lần 3/Số: 130715-3998490-01-SME ngày 13/7/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm Mã khách hàng: 5998490; Số: Q6/011HIPHM/THE ngày 22/9/2017; Hợp đồng bảo lãnh số: 150917-3998490-01-SME/HĐBL ngày 18/9/2017 tại VPBank Tân Bình và Hợp đồng bảo lãnh số: G6/011/HĐBL/HE ngày 22/9/2017 tại VPBank Tân Bình Chi nhánh Sài Gòn giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo qui định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P có trụ sở: khu dân cư T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vì vậy thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố Thuận An theo qui định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng qui định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 2020 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 28/5/2021 là 548.032.293 đồng

(năm trăm bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn hai trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 236.734.057 đồng. Nợ gốc thẻ số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng.

Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phạt do vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt quá hạn buộc công ty Đăng Khoa phải thanh toán số tiền tính đến ngày 28/5/2021 là 518.974.087 đồng (năm trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 207.675.851 đồng. Nợ gốc thẻ số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng. Kể từ ngày 29/5/2021; Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo qui định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với qui định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 29/5/2021 Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế đã ký giữa các bên đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P không thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP V thì bà Trần Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số: 150917-3998490-01-SME/HĐBL ngày 18/9/2017 tại VPBank Tân Bình và Hợp đồng bảo lãnh số: G6/011/HĐBL/HE ngày 22/9/2017 tại VPBank Tân Bình Chi nhánh Sài Gòn.

[2.2] Về yêu cầu trả lại tiền gốc và tiền lãi: Theo Khế ước nhận nợ lần 02/Số: 040418-3998490-01-SME ngày 04/4/2018; số tiền cho vay 200.400.000 đồng (hai trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất 20.8%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 04/4/2018 đến ngày 04/4/2019. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; Trả nợ gốc và lãi 12 kỳ bắt đầu vào ngày 25/4/2018 cho đến khi trả nợ xong, mỗi kỳ là 16.800.000 đồng, kỳ cuối cùng là 15.600.000 đồng. Công ty đã trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 12/11/2018 thì Công ty không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng.

Khế ước nhận nợ lần 3/Số: 130715-3998490-01-SME ngày 13/7/2018; số tiền cho vay 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng), lãi suất 23.4%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 13/7/2018 đến ngày 13/7/2019. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ. Trả nợ gốc và lãi 12 kỳ bắt đầu vào ngày 10/8/2018 cho đến khi trả nợ xong, mỗi kỳ là 15.350.000 đồng, kỳ cuối cùng là 15.150.000 đồng. Công ty đã trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 11/11/2018 thì Công ty không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng.

Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 22/9/2017 Mã khách hàng: 5998490; Số:

Q6/011HIPHM/THE cấp cho Công ty P hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm khác từ gỗ. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 22/9/2017 đến ngày 11/11/2018 Công ty P nhiều lần sử dụng thẻ và thanh toán vốn kể từ ngày 12/11/2018 Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Công ty còn nợ gốc 34.418.435 đồng, tiền lãi là 58.793.009 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty đã nhận đầy đủ số tiền trên Công ty chỉ mới thanh toán từ ngày 22/9/2017 cho đến 11/11/2018, kể từ ngày 12/11/2018 Công ty không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 28/5/2021 là 518.974.087 đồng (năm trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 207.675.851 đồng. Nợ gốc thẻ số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng. Kể từ ngày 29/5/2021. Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi Công ty trả xong các nghĩa vụ theo thỏa thuận đối với Hợp đồng cho vay đã ký kết là phù hợp nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 150917-3998490-01-SME ngày 18/9/2017; Khế ước nhận nợ lần 02/Số: 040418-3998490-01-SME ngày 04/4/2018; Khế ước nhận nợ lần 3/Số: 130715-3998490-01-SME ngày 13/7/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm Mã khách hàng: 5998490; Số: Q6/011HIPHM/THE ngày 22/9/2017 đối với phần tính lãi, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi quá hạn. Xét thấy, mức thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

[3] Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 233 và Điều 244; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463; 465; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P.

Buộc Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 518.974.087 đồng (năm trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc hai khế ước là 218.086.792 đồng, nợ lãi là 207.675.851 đồng. Nợ gốc thế số tiền 34.418.435 đồng, lãi là 58.793.009 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2021 theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P không thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP V thì bà Trần Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số: 150917-3998490-01-SME/HĐBL ngày 18/9/2017 tại VPBank Tân Bình và Hợp đồng bảo lãnh số: G6/011/HĐBL/HE ngày 22/9/2017 tại VPBank Tân Bình Chi nhánh Sài Gòn.

2. Án phí: Công ty TNHH MTV TM dịch vụ P phải chịu 24.758.963 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 11.605.326 (mười một triệu sáu trăm lẻ năm nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0053480 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đại Thắng